TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **24**/2021/QĐST-HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 11 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Võ Đình Tr, sinh năm 1995.**

Nơi cư trú: Đội X, thôn N, xã Ngh, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1998.**

Nơi cư trú: xóm H, thôn A, xã Bi, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đình Tr và Chị Nguyễn Thị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngh, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 131, ngày 14/11/2016. Quá trình sống chung, giữa anh Tr và chị Ng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nhiều lần xảy ra cải vã, xung đột. Mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh chị thống nhất ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy việc Anh Võ Đình Tr và Chị Nguyễn Thị Ng cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn

nhận thực tế và quy định của pháp luật nên được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Võ Đình Tr và Chị Nguyễn Thị Ng xác định giữa anh chị có một con chung tên là Võ Đình Nguyên T, sinh ngày 02/6/2018, hiện anh Tr đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao con chung cho Anh Võ Đình Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy việc Anh Võ Đình Tr và Chị Nguyễn Thị Ng thỏa thuận việc giao nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung chưa thành niên nên được Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đình Tr và Chị Nguyễn Thị Ng thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Võ Đình Nguyên T, sinh ngày 02 tháng 06 năm 2018 cho Anh Võ Đình Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

1.3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

1.5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, anh Võ Thanh Tr và Chị Nguyễn Thị Ng mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003453 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, CCTHADS huyện S;
- UBND xã Ngh, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi *(đăng ký kết hôn số 131, ngày 14/11/2016)*;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung